

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ KHAI GIÁ
KHÍ DẦU MỎ HÓA LÔNG

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành			Mức kê khai mới			Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú	
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ				
I DNTN Đức Kỳ (áp dụng từ ngày 02/10/2023)													
1	Elf gas	12,5 kg	d/bình	430.000		430.000	450.000		450.000	20.000	4,65		
2	Gas Total (xám, cam, xanh)	12kg	d/bình	390.000		390.000	410.000		410.000	20.000	5,13		
II CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU AN GIANG (áp dụng từ ngày 02/10/2023)													
2	Gas PETROLIMEX	LPG loại 48kg	d/bình		1.336.000	1.638.000		1.416.000	1.718.000	80.000	5,38		
3	Gas PETROLIMEX	LPG loại 12kg, van ngang và van đứng	d/bình			331.000	406.000		351.000	426.000	20.000	5,43	
III Công ty TNHH SX-TM-DV Thủy Trình (áp dụng từ ngày 02/10/2023)													
1	Elf gas	12,5 kg	d/bình		383.000	391.000		404.000	412.000	21.000	5,43		
1	TOTAL GAZ (xanh, xám, cam)	12kg	d/bình		339.000	346.000		359.000	366.000	20.000	5,84		
3	Gas PETROLIMEX	LPG loại 12kg, van ngang và van đứng	d/bình			348.000			368.000	20.000	5,75		
4	Gas SP (xám, đỏ)	12kg	d/bình		341.000	348.000		361.000	368.000	20.000	5,81		
5	Gas SP 45kg	45kg	d/bình		1.262.000	1.283.000		1.337.000	1.358.000	75.000	5,89		
6	Gas Petro Vietnam (Dầu khí) (Màu xám, hồng, đỏ)	12kg	d/bình		350.000	357.000		370.000	377.000	20.000	5,66		
7	Gas Siam (màu xanh)	12kg	d/bình			379.000			399.000	20.000	5,28		
IV DNTN L.Ế. VĂN TIẾN I (áp dụng từ ngày 02/10/2023)													
1	TOTAL GAZ (xanh, xám, cam)	12kg	d/bình		290.000	374.000		310.000	394.000	20.000	6,02		
1	ELF GAZ	12,5kg	d/bình		362.000	421.000		383.000	442.000	21.000	5,36		
3	TOTAL GAZ (xanh, xám, cam)	45kg	d/bình		1.296.000	1.350.000		1.371.000	1.425.000	75.000	5,67		
4	SAIGONPETRO Gas	12kg	d/bình		286.000	375.000		306.000	395.000	20.000	6,05		
5	SAIGONPETRO Gas	45kg	d/bình		1.394.000	1.458.000		1.469.000	1.533.000	75.000	5,26		
6	ORIGIN Gas (xám, xanh, đỏ)	12kg	d/bình		300.000	376.000		320.000	396.000	20.000	5,92		
7	Dầu khí 12kg	12kg	d/bình		300.000	376.000		320.000	396.000	20.000	5,92		
8	Siam gas	12kg	d/bình		368.000	429.000		388.000	449.000	20.000	5,02		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành			Mức kê khai mới			Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ			
9	GAS MỸ TRÀ 12 KG	12 kg	d/bình		300.000	383.000		320.000	403.000	20.000	5,86	
10	GAS PETIMEX 12 KG	12 Kg	d/bình		300.000	383.000		320.000	403.000	20.000	5,86	
V DNTN Nguyễn Thị Bo (áp dụng từ ngày 03/10/2023)												
1	TOTAL GAZ (xanh, xám, cam)	12kg	d/bình	346.000		346.000	366.000		366.000	20.000	5,78	
2	SP 12 Gas	Bình 12 kg	d/bình	347.000		347.000	367.000		367.000	20.000	5,76	
VI Công ty TNHH MTV Gas Bình An Long Xuyên (áp dụng từ ngày 03/10/2023)												
1	Elf gas	12,5 kg	d/bình	447.700		447.700	468.700		468.700	21.000	4,69	
2	Mỹ Trà	12kg	d/bình	407.500		407.500	427.500		427.500	20.000	4,91	
3	Saigon petro (Gas SP)	12kg	d/bình	406.500		406.500	426.500		426.500	20.000	4,92	
4	H-gas	12kg	d/bình	379.000		379.000	399.000		399.000	20.000	5,28	
5	Total gas	12kg	d/bình	406.400		406.400	426.400		426.400	20.000	4,92	
6	Gas Phocnix	12kg	d/bình	380.000		380.000	400.000		400.000	20.000	5,26	
7	Gas CID	12kg	d/bình	381.000		381.000	401.000		401.000	20.000	5,25	
8	Gas Petro Vietnam	12kg	d/bình	380.000		380.000	400.000		400.000	20.000	5,26	
9	LPG Petrolimex	12 kg	d/bình	406.000		406.000	426.000		426.000	20.000	4,93	
10	MT Gas	12kg	d/bình	434.000		434.000	454.000		454.000	20.000	4,61	
VII Công ty TNHH MTV An Tánh (áp dụng từ ngày 05/10/2023)												
1	TOTAL GAZ (xanh, xám, cam)	12kg	d/bình	345.000		345.000	365.000		365.000	20.000	5,80	
2	Elf gas	12,5 kg	d/bình	410.000		410.000	430.000		430.000	20.000	4,88	
3	Gas PETROLIMEX	LPG loại 12kg, van ngang và van đứng	d/bình	345.000		345.000	365.000		365.000	20.000	5,80	
4	Saigon petro (Gas SP)	12kg	d/bình	315.000		315.000	335.000		335.000	20.000	6,35	
5	Dầu khí 12kg	12kg	d/bình	310.000		310.000	330.000		330.000	20.000	6,45	
6	Saigon petro (Gas SP) xám	45kg	d/bình	1.390.000		1.390.000	1.465.000		1.465.000	75.000	5,40	

An Giang, ngày 05 tháng 10 năm 2023

LẬP BIỂU

PHÒNG QUẢN LÝ GIÁ - CÔNG SÀN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

KT. GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Quốc Việt

Lê Thị Hậu



Phân Thị Kim Hai